

**TÒA ÁN NHA DA  
HUYỆN MỘC CHÂU  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2020/HS-ST  
Ngày: 17/6/2020

**NHA DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHA DA HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

**- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Tăng Thị Hải Oanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thùy Linh, Thư ký Tòa án nh A dA huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhA dA huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Sa Văn Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhA dA huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 80/2020/TLST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2020 đối với:

1. *Bị cáo:* Hà Văn T, sinh ngày: 01/02/1994 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Hà Thị T; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

2. *Bị cáo:* Hà Văn H, sinh ngày: 28/7/1987 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn T và bà Hoàng Thị Sg; bị cáo có vợ là Lò Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

3. *Bị cáo:* Lò Văn A, sinh ngày: 21/12/1998 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt

Nam; con ông Lò Văn C và bà Lò Thị H; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

4. Bị cáo: Lò Quang T, sinh ngày: 22/8/1996 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H và bà Hà Thị H; bị cáo có vợ là Lò Thị N và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

5. Bị cáo: Lò Văn K, sinh ngày: 04/3/1996 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn T và bà Hà Thị P; bị cáo có vợ là Hoàng Thị Ánh T và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

6. Bị cáo: Lò Văn N, sinh ngày: 14/02/1992 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn C và bà Lò Thị B; bị cáo có vợ là Vi Thị X và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

7. Bị cáo: Lò Ngọc S, sinh ngày: 19/9/2000 tại huyện M C, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn U và bà Lò Thị D; bị cáo có vợ là Lò Thùy L và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

8. Bị cáo: Lò Văn S, sinh ngày: 28/6/1989 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 11/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn H và bà Vi Thị T; bị cáo có vợ là Cà Thị B và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhA thA: Năm 2012, Công an huyện Mộc Châu xử phạt hành

chính số tiền 350.000 đồng về hành vi Đánh bạc (đã được xóa tiền sự); bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

9. Bị cáo: Lò Văn D, sinh ngày: 01/8/1990 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn C và bà Hà Thị T; bị cáo có vợ là Lò Thị D và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

10. Bị cáo: Lò Văn T, sinh ngày: 23/3/1968 tại huyện M, tỉnh Sơn La; nơi cư trú: Bản D, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hóa (học vấn): 04/12; dA tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lò Văn C và bà Lò Thị H (Đều đã chết); bị cáo có vợ là Lương Thị T và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 24/4/2020 đến ngày 28/4/2020 được tại ngoại, đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 24/4/2020, Hà Văn T đang ở nhà thì có Hà Văn H, Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K, Lò Văn S đều ở cùng bản đến nhà chơi. Quá trình ngồi chơi T đã rủ H, A, T, K, S đến lán nương của Lò Văn T để đánh bạc bằng hình thức đánh liêng sát phạt nhau được thua bằng tiền. Sau khi bàn bạc thống nhất, Hà Văn H về nhà lấy 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 lá rồi cùng nhau đến lán nương của Lò Văn T. Trên đường đi gặp Lò Văn N, T đã rủ N đi đánh bạc. Khi đi đến lán nương không thấy có ai ở lán, mọi người cùng ngồi xuống chiếc chiếu trải sẵn ở lán nương để đánh bạc.

Hình thức đánh bạc quy định: Bộ bài tú lơ khơ được chia cho mỗi người 03 quân bài, sau đó những người tham gia đánh bạc so sánh tổng số điểm của 03 quân bài mà mình đang cầm trên tay. Ai có số điểm cao nhất sẽ là người chia bài để đánh bạc và là người được đặt cược đầu tiên. Mức sát phạt được quy định thấp nhất là 20.000 đồng và cao nhất là tùy ý. Khi đánh bạc Hà Văn T bỏ ra 1.140.000 đồng, Hà Văn H có 1.170.000 đồng, Lò Văn A có 1.000.000 đồng, Lò Quang T có 500.000 đồng, Lò Văn K có 1.000.000 đồng, Lò Văn N có 1.000.000 đồng, Lò Văn S có 1.300.000 đồng tham gia sát phạt. Khi mọi người đang sát phạt, Lò Văn

T đi đến thấy mọi người đang đánh bạc, T hỏi tại sao lại đánh bạc ở đây? H bảo mỗi người góp 20.000 đồng được tổng cộng 140.000 đồng đưa cho T để T tiếp tục cho mọi người đánh bạc. Tiếp đó Lò Ngọc S và Lò Văn D đến lán và cùng tham gia đánh bạc. Lò Ngọc S có 1.000.000 đồng, Lò Văn D có 800.000 đồng tham gia đánh bạc, S và D không phải nộp tiền cho T. Khi T, H, A, T, K, S, N, S, D đánh bạc đến 19 giờ 30 phút cùng ngày thì có tổ công tác Công an huyện Mộc Châu phát hiện bắt quả tang. Tang vật thu giữ tại chiếu bạc gồm 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân, 01 chiếc chiếu màu vàng, 8.770.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thu giữ của Lò Văn T 140.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tiền gá bạc.

Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 80/QĐ-VKS ngày 08/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu truy tố các bị can Hà Văn T, Hà Văn H, Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K, Lò Văn N, Lò Ngọc S, Lò Văn S, Lò Văn D và Lò Văn T về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Chủ tọa phiên tòa tuyên bố các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn H, Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K, Lò Văn N, Lò Ngọc S, Lò Văn S, Lò Văn D và Lò Văn T về tội “Đánh bạc” và áp dụng các căn cứ pháp luật như sau:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hà Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Hà Văn H từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn A từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Quang T từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn K từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Ngọc S từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn S từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn D từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

11. Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.770.000 đồng (*Tám triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*), thu giữ trên chiếu bạc; 140.000 đồng (*Một trăm bốn mươi nghìn đồng*), thu giữ đối với Lò Văn T.

Tịch thu tiêu huỷ: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, từ quân A đến quân K, có nền hoa văn màu đỏ, đã quân sử dụng; 01 chiếc chiếu màu vàng đỏ, kích thước 1,6m x 1,8m, đã quân sử dụng.

12. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nhận thấy như sau:

[1] Về quá trình tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Mộc Châu, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến, khiếu nại về hành vi của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi và trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

Tại phiên tòa, các bị cáo giữ nguyên lời khai như đã khai tại cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu. Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 24/4/2020, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, biên bản xác minh và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Do vậy có đủ căn cứ khẳng định: Ngày 24/4/2020, các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn H, Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K, Lò Văn N, Lò Ngọc S, Lò Văn S, Lò Văn D và Lò Văn T tham gia đánh bạc bằng hình thức đánh liêng sát phạt nhau được thua bằng tiền. Thu giữ tại chiếu bạc của các bị cáo số tiền là 8.770.000 đồng, thu giữ của Lò Văn T tiền gá bạc 140.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự quy định phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự công cộng, xâm phạm nếp sống văn minh của xã hội. Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi đánh bạc trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn hưởng lợi bất chính nên vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần phải có hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo nhằm răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm, do đó khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo. Phân hóa vai trò của các bị cáo xét thấy bị cáo Hà Văn T là người khởi xướng rủ các bị cáo khác đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc. Bị cáo Hà Văn H là người trực tiếp chuẩn bị công cụ để đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc, các bị cáo Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K,

Lò Văn N, Lò Ngọc S, Lò Văn S và Lò Văn D là những bị cáo trực tiếp tham gia đánh bạc, do đó các bị cáo là đồng phạm với vai trò là người thực hành. Bị cáo Lò Văn T mặc dù không tham gia đánh bạc nhưng đã nhận tiền của các bị cáo còn lại và để cho các bị cáo đánh bạc tại lán nường của mình, do đó bị cáo là đồng phạm về tội đánh bạc với vai trò giúp sức.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn H, Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K, Lò Văn N, Lò Ngọc S, Lò Văn S, Lò Văn D và Lò Văn T đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn H, Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K, Lò Văn N, Lò Ngọc Sơn, Lò Văn S, Lò Văn D và Lò Văn T đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này, các bị cáo đều chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, các bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, các bị cáo đều có đơn bảo lãnh xin được cải tạo, giáo dục tại địa phương, do đó không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài đời sống xã hội mà cần áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự giao các bị cáo về cho gia đình và chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục, các bị cáo cũng có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau.

[4] Về hình phạt bổ sung - phạt tiền: Quá trình điều tra và thẩm vấn tại phiên tòa, xét thấy các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn H, Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K, Lò Văn N, Lò Ngọc S, Lò Văn S, Lò Văn D và Lò Văn T làm nghề trồng trọt, thu nhập không ổn định nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 8.770.000 đồng, thu giữ trên chiếu bạc; 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 140.000 đồng, thu giữ đối với Lò Văn T là tiền các bị cáo dùng đánh bạc, tiền gá bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, từ quân A đến quân K, có nền hoa văn màu đỏ, đã quân sử dụng; 01 chiếc chiếu màu vàng đỏ, kích thước 1,6m x 1,8m, đã quân sử dụng. Xét là công cụ



các bị cáo dùng vào việc phạm tội, vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (Hai mươi bốn) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Hà Văn H phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Hà Văn H 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn A phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn A 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

4. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Quang T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lò Quang T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn K phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn K 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn N phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

7. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Ngọc S phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lò Ngọc S 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

8. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn S phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn S 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

9. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn D 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

10. Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 09 (Chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 (Mười tám) tháng. Thời gian thử thách tính từ ngày 17/6/2020.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Giao các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn H, Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K, Lò Văn N, Lò Ngọc S, Lò Văn S, Lò Văn D và Lò Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

11. Căn cứ điểm a, b khoản 1, 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền 8.770.000 đồng (*Tám triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng*), thu giữ trên chiếu bạc; 140.000 đồng (*Một trăm bốn mươi nghìn đồng*), thu giữ đối với Lò Văn T.

Tịch thu tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong bên trong đựng 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân bài, từ quân A đến quân K, có nền hoa văn màu đỏ, đã quân sử dụng; 01 chiếc chiếu màu vàng đỏ, kích thước 1,6m x 1,8m, đã quân sử dụng.

12. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Hà Văn T, Hà Văn H, Lò Văn A, Lò Quang T, Lò Văn K, Lò Văn N, Lò Ngọc S, Lò Văn S, Lò Văn D và Lò Văn T mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng chẵn*).

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Viện KSND huyện Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- THA HS;
- Bị cáo;
- UBND xã Tân Lập;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La (khi án có hiệu lực);
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(*đã ký*)

**Tăng Thị Hải Oanh**